

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUAN HÓA
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 38/2024/QĐST-HNGĐ

Quan Hóa, ngày 15 tháng 05 năm 2024

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUAN HÓA, TỈNH THANH HÓA

Căn cứ vào Điều 212, 213, Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ Điều 4, Điều 6, Điều 35, Khoản 3 Điều 37 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc Hôn nhân và Gia đình thụ lý số: 32a/2024/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 04 năm 2024 về việc: “*Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con chung*”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

Anh: **Phạm Bá H**, sinh ngày: 21/10/1992

Chị: **Hà Thị H1** - Sinh ngày: 19/01/1994.

Đều có địa chỉ: **bản S, xã T, Q, Thanh Hóa.**

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Không.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh **Phạm Bá H** và chị **Hà Thị H1** tự do tìm hiểu yêu đương, không ai ép buộc ai, không bị ai ép buộc, anh chị tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 29/12/2014 tại **UBND xã T, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa**. Sau khi kết

hôn, anh chị chung sống hạnh phúc, đến khoảng năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chính là do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung trong hôn nhân, tình cảm vợ chồng bị rạn nứt không có hạnh phúc. Khi mâu thuẫn xảy ra, hai bên gia đình đã hòa giải, nhưng cuộc sống vợ chồng vẫn không cải thiện được, mà ngày càng trở nên trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay, xét thấy cuộc sống vợ, chồng không còn hạnh phúc, anh **H**, chị **H1** đề nghị Tòa án công nhận cho anh, chị được thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Anh **Phạm Bá H** và chị **Hà Thị H1** có với nhau 02 con chung là cháu **Phạm Thanh T** (sinh ngày 19/01/2015) và cháu **Phạm Thùy L** (sinh ngày 29/10/2019), hiện các cháu đang ở cùng với bố. Nay ly hôn, vợ chồng thống nhất giao cho anh **H** là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cả 02 cháu cho đến khi mỗi cháu đủ 18 tuổi. Hai vợ chồng thoả thuận chị **H1** cấp dưỡng nuôi con chung 1.500.000đ (*Một triệu năm trăm nghìn đồng*) /cháu/tháng, cho đến khi từng cháu đủ 18 tuổi. Thời gian cấp dưỡng từ tháng 05 năm 2024.

[3] Về tài sản chung, công nợ chung: Anh **Phạm Bá H** và chị **Hà Thị H1** không có yêu cầu nên Tòa án không xét.

[4] Về lệ phí việc dân sự: Vợ chồng thoả thuận anh **H** là người nộp tiền lệ phí việc HNGĐ sơ thẩm.

Ngày 07/05/2024, Toà án đã tiến hành hoà giải để vợ chồng đoàn tụ nhưng không thành. Hai bên thực sự tự nguyện ly hôn và đã thoả thuận được với nhau về việc trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung; việc không chia tài sản chung; việc chịu lệ phí dân sự sơ thẩm. Sự thoả thuận của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội và bảo đảm quyền lợi chính đáng của vợ, con. Các đương sự đều yêu cầu Toà án công nhận thuận tình ly hôn, thoả thuận nuôi con của họ. Vì vậy, có đủ điều kiện để công nhận thuận tình ly hôn, thoả thuận nuôi con của các đương sự

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa Anh **Phạm Bá H** và chị **Hà Thị H1**.

- Về con chung: Anh **Phạm Bá H** trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng các cháu **Phạm Thanh T** (sinh ngày 19/01/2015) và cháu **Phạm Thùy L** (sinh ngày 29/10/2019) cho đến khi mỗi cháu đủ 18 tuổi. Chị **H1** đóng góp nuôi con chung 1.500.000đ (*Một triệu năm trăm nghìn đồng*/cháu/tháng, cho đến khi từng cháu đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi theo quy định của pháp luật và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở. Thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 5 năm 2024.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Về các vấn đề khác: Giấy chứng nhận kết hôn số 19/2014 ngày 29/12/2014 của **UBND xã T, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa** hết giá trị pháp lý kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực pháp luật.

2. Về lệ phí Tòa án: Anh **H** tự nguyện nộp lệ phí việc HNGĐ sơ thẩm là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*). Được trừ vào tiền tạm ứng lệ phí việc HN&GD sơ thẩm anh **H** đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí ký hiệu: BLTU/23 số 0006494 ngày 17/04/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quan Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Phòng KTNV&THA - TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND huyện Quan Hóa (02 bản);
- Chi cục THADS huyện Quan Hóa, T. Thanh Hóa;
- UBND xã Thành Sơn, H. Quan Hóa, T. Thanh Hóa;
- Những người yêu cầu;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Ngô Thị Thanh

